

Bản án số: 25/2019/HS-ST
Ngày 26-4-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phan Công Trí**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Dư Thị Út.

Bà Khru Liên Dung.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Ông **Mai Chí Nguyễn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

NGUYỄN TẤN A (tên gọi khác: Gà), sinh năm 1994 tại Bạc Liêu.

Nơi cư trú: số 5/343 ấp Thào Lạng, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1974 và bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1974; có vợ tên Quách Mỹ N, sinh năm 1994 và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/02/2019, bị Công an thành phố B xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 750.000 đồng về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 23/QĐ-UBND; tạm giữ ngày 26/12/2018; tạm giam ngày 01/01/2019. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ Công an thành phố B (có mặt).

- Bị hại: Anh **Lâm Anh D**, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: số 199, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 25/12/2018, Sơn L chở Nguyễn Tấn A đến nhà L mới thuê của bà Lâm Thị T để dọn dẹp nhà cửa. Sau đó, Lợi đi ra ngoài, chỉ còn Tấn A ở lại trong nhà để dọn dẹp, lợi dụng lúc nhà của L thuê không còn ai và có đậu 04 chiếc xe mô tô của gia đình ông Lâm Văn T (là em ruột của bà Lâm Thị T), trong đó có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Sirius, biển kiểm soát 94K1-129.51 của anh Lâm Anh D (là con ruột của ông Lâm Văn T) nên Tấn A nảy sinh ý định lấy trộm 01 chiếc xe mô tô để mang đi cầm lấy tiền chơi game bắn cá. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, Tấn A thấy Trần Văn T đang dẫn xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại Taurus, biển kiểm soát 94M1-4751 từ trong phòng trọ đối diện đi ra đường, nên mượn chìa khóa trên xe của T để mở khóa xe mô tô Sirius biển kiểm soát 94K1-129.51 thì mở khóa được, rồi rút chìa khóa ra trả lại cho T. Sau đó Tấn A điều khiển xe mô tô 94K1-129.51 vừa chiếm đoạt được đến tiệm game Quang Sơn nhờ người phụ nữ (không rõ nhân thân, lai lịch) chơi game chung đi cầm dùm xe với giá 2.000.000 đồng (Tấn A lấy 1.700.000 đồng, còn người phụ nữ lấy 300.000 đồng), sau đó đi chơi game bắn cá. Khoảng 00 giờ ngày 26/12/2018, Sơn L về đến nhà thuê không thấy Tấn A và phát hiện mất 01 chiếc xe nên đi tìm thì gặp T kể lại sự việc, T để xe mô tô 94M1-4751 vào nhà của L thuê, sau đó L điều khiển xe chở T đi tìm Tấn A nhưng không gặp. Sáng ngày 26/12/2018, ông Lâm Văn T vào nhà của L thuê kiểm tra phát hiện mất xe mô tô 94K1-129.51 và có chiếc xe mô tô 94M1-4751 đang đậu không biết của ai nên trình báo và giao nộp xe mô tô 94M1-4751 cho lực lượng Công an. Lực lượng Công an đến tiệm game bắn cá Quang Sơn mời Tấn A về làm việc và thu giữ trên người của Tấn A số tiền 1.250.000 đồng. Ngày 13/02/2019, anh Lâm Anh D đến cơ quan Công an giao nộp xe mô tô 94K1-129.51 do Sơn L đã chuộc xe và trả lại cho anh D vào ngày 12/02/2019. Còn Sơn L từ khi gặp nói chuộc và trả xe cho anh Lâm Anh D đã bỏ địa phương đến nay không làm việc được.

Tại bản kết luận định giá số 193/KL-HĐĐGTS ngày 27/12/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 94K1-129.51, màu sơn: Trắng- Đen, số máy: 5C64-1002395, số khung: C640DY002379, tỷ lệ còn lại của xe là 67% với giá là 13.266.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 24/CT-VKSTPBL ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Nguyễn Tấn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn

A từ 04 đến dưới 06 tháng tù. Đề nghị tịch thu số tiền 1.250.000 đồng thu lợi bất chính, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Tấn A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Tấn A đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Sau khi nghe Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu trình bày luận tội, bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại Lâm Anh D trình bày: ngày 25/12/2018, khi anh đi làm về thì đề xe mô tô biển kiểm soát số 94K1-129.51 do anh đứng giấy đăng ký xe bên nhà dì của anh là bà Lâm Thị T, nhà này dì anh đã cho anh Sơn L thuê nhưng chưa lại ở. Sáng ngày 26/12/2018, thì gia đình anh cho hay chiếc xe của anh đã bị mất. Sau đó, Sơn L có đem xe về trả cho anh và nói là vừa chuộc về, còn việc chuộc ở đâu, chuộc của ai thì anh không biết. Hiện tại, anh D không có yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tra tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Tấn A tại phiên tòa phù hợp với lời khai của chính bị cáo trong giai đoạn điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại là anh Lâm Anh D về thời gian, địa điểm thực hiện tội phạm và đặc điểm tài sản bị chiếm đoạt; đồng thời phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: khoảng 23 giờ 30 phút ngày 25/12/2018, bị cáo Nguyễn Tấn A đã lén lút lấy trộm chiếc xe mô tô Sirius mang biển kiểm soát số 94K1-129.51 do anh Lâm Anh Duy đứng tên giấy đăng ký xe trị giá 13.266.000 đồng đang để trong nhà của bà Lâm Thị T. Sau khi chiếm đoạt được tài sản, bị cáo đem chiếc xe đi tiêu thụ.

Trước, trong và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Nguyễn Tấn A có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; khi thực hiện hành vi bị cáo đều biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích vụ lợi nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm,...”

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Tấn A đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Mặc dù bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên.

[6] Hành vi đem cầm chiếc xe của người phụ nữ mà bị cáo Nguyễn Tấn A nhờ, hiện chưa xác định được nhân thân, cũng như việc Sơn L chuộc xe về trả cho bị hại, hiện Sơn L đã bỏ đi chưa làm việc được. Nên giao Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Đối với hành vi của Trần Văn T cho bị cáo Nguyễn Tấn A mượn chìa khóa để mở xe trộm cắp tài sản. Do T không biết bị cáo Nguyễn Tấn A mượn chìa khóa xe để phạm, nên không đủ căn cứ chứng minh hành vi đồng phạm của T.

[7] Về vật chứng: tài sản bị mất trộm đã thu hồi và trao trả cho bị hại Lâm Anh D xong.

Đối với số tiền 1.250.000 đồng thu giữ của bị cáo, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có được nên tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[8] Về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu nào khác. Anh Sơn L đã đem xe về trả cho anh D, hiện chưa làm việc được. Cho nên, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[9] Về án phí: bị cáo bị kết tội nên căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331 và khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn A 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày tạm giữ 26/12/2018.

2. Về vật chứng vụ án:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

(Tiền đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B theo biên lai thu tiền số 000027 ngày 20/3/2019).

3. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Tấn A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Nhà Tạm giữ Công an Tp. B;
- Công an Tp. B;
- Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu HSPA.

Lê Phan Công Trí